

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Thép Tâm Lá Thống Nhất thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên đã được soát xét năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: **Công ty cổ phần Thép Tâm Lá Thống Nhất**

- Mã chứng khoán: TNS
- Địa chỉ: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TX Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
- Điện thoại liên hệ/Tel: 02543.923.636/7/8. Fax: 02543.923.889
- Email: [tnsteel@tnsteel.vn](mailto:tnsteel@tnsteel.vn) Website: [tnsteel.vn](http://tnsteel.vn)

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên đã được soát xét năm 2024
  - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
  - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
  - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán .....):

- Có  Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- Có  Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

- Có  Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:



Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 01/08/2024 tại đường dẫn: <http://tnsteel.vn/shareholder.php>

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC bán niên đã soát xét năm 2024
- Văn bản giải trình

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật



**TÔ NGỌC HUY**

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024  
(đã được soát xét)

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-34
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11-34

# CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 3500820408 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 14 tháng 04 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Ngọc Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân	Thành viên
Ông Lê Việt	Thành viên
Bà Trần Thanh Hương	Thành viên
Ông Lại Văn Quyền	Thành viên
Ông Tô Ngọc Huy	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Tô Ngọc Huy	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Vĩnh Hào	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thúy Trinh	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Thị Hồng Mây	Thành viên	
Ông Nguyễn Duy Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05/04/2024
Ông Triệu Anh Vũ	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 05/04/2024

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Tô Ngọc Huy  
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 15 tháng 07 năm 2024

Số: 310724.003/BCTC.KT2

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất được lập ngày 15 tháng 07 năm 2024, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

1. Công ty chưa thực hiện ghi nhận đầy đủ chi phí lãi vay phải trả, lãi chậm trả với Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP và chi phí lãi chậm trả với Công ty TNHH MTV Thép tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel lũy kế đến ngày 01/01/2024 và ngày 30/06/2024 với cùng số tiền là 54,52 tỷ VND. Trong đó, chi phí lãi vay phát sinh trong năm 2023 Công ty đang ghi nhận tăng khoản phải thu và phải trả khác với số tiền 4,4 tỷ VND. Điều này dẫn đến trên Bảng Cân đối kế toán, chỉ tiêu "Các khoản phải trả ngắn hạn" tại ngày 01/01/2024 và 30/06/2024 đang phản ánh thấp hơn cùng số tiền 50,12 tỷ VND; chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" tại ngày 01/01/2024 và 30/06/2024 đang phản ánh cao hơn cùng số tiền 54,52 tỷ VND, chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn khác" tại ngày 01/01/2024 và 30/06/2024 đang phản ánh cao hơn cùng số tiền 4,4 tỷ VND. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả kinh doanh, chỉ tiêu "Chi phí tài chính" 6 tháng đầu năm 2023 đang phản ánh thấp hơn số tiền là 1,85 tỷ VND; chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" 6 tháng đầu năm 2023 và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" 6 tháng đầu năm 2023 đang phản ánh cao hơn số tiền tương ứng.

## Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ ( tiếp theo)

2. Công ty đang ước tính và ghi nhận chi phí khấu hao tài sản cố định trong 06 tháng đầu năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2024 dựa trên sản lượng sản xuất thực tế với số tiền lần lượt là 9,48 tỷ VND và 19,84 tỷ VND. Nếu ước tính chi phí khấu hao theo phương pháp đường thẳng (chính sách kế toán Công ty đang áp dụng) thì giá trị khấu hao ước tính lại của 06 tháng đầu năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2024 lần lượt là 12,48 tỷ VND và 12,47 tỷ VND. Việc ghi nhận chi phí khấu hao không phù hợp với chính sách kế toán áp dụng dẫn đến trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, chỉ tiêu "Giá trị hao mòn lũy kế" tại ngày 30/06/2024 đang phản ánh cao hơn số tiền là 7,36 tỷ VND và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" tại ngày 30/06/2024 đang phản ánh thấp hơn số tiền 7,36 tỷ VND. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả kinh doanh, kỳ 6 tháng đầu năm 2024, chỉ tiêu "Giá vốn hàng bán" đang phản ánh cao hơn và chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận trước thuế" đang phản ánh thấp hơn cùng số tiền là 7,36 tỷ VND (kỳ 6 tháng đầu năm 2023, chỉ tiêu "Giá vốn hàng bán" đang phản ánh thấp hơn và chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận trước thuế" đang phản ánh cao hơn cùng số tiền 3 tỷ VND).

3. Tại ngày 30/06/2024, tổng số nợ phải trả đã quá hạn thanh toán là 202,65 tỷ VND (tại 01/01/2024 là 218,73 tỷ VND), nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 125,20 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 là 146,5 tỷ VND), khả năng thanh toán nhanh là 0,15 (tại ngày 01/01/2024 là 0,18), lỗ lũy kế là 154,97 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 là 169,94 tỷ VND), nợ phải trả gấp 10,94 lần vốn chủ sở hữu (tại ngày 01/01/2024 là 11,94 lần). Công ty chưa đạt được thỏa thuận mới đáng kể nào về việc giãn nợ. Do đó, Công ty sẽ chưa thể thu xếp được nguồn tài chính để thanh toán cho các khoản vay đến hạn trong điều kiện hoạt động như hiện tại. Các dấu hiệu trên dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2024 của Công ty vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

## Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ" chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2024



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>330.794.497.973</b>	<b>163.572.103.860</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>16.478.049.567</b>	<b>8.713.496.378</b>
111	1. Tiền		16.478.049.567	8.713.496.378
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>40.424.419.700</b>	<b>45.950.319.161</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	29.774.026.572	38.674.460.393
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	5.146.962.673	1.748.536.200
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	5.503.430.455	5.527.322.568
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>263.221.350.892</b>	<b>106.389.518.038</b>
141	1. Hàng tồn kho		263.221.350.892	106.389.518.038
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>10.670.677.814</b>	<b>2.518.770.283</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	1.393.687.322	1.194.693.029
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		9.276.990.492	1.324.077.254
200	<b>B. *TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>215.832.423.589</b>	<b>235.150.560.033</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>179.721.650.967</b>	<b>198.873.266.047</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	179.721.650.967	198.873.266.047
222	- Nguyên giá		546.308.397.745	545.623.949.745
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(366.586.746.778)	(346.750.683.698)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		-	<b>525.044.459</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	525.044.459
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>36.110.772.622</b>	<b>35.752.249.527</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	36.110.772.622	35.752.249.527
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>546.626.921.562</b>	<b>398.722.663.893</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT**

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>500.828.585.280</b>	<b>367.901.845.428</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>455.998.095.314</b>	<b>310.071.355.462</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	166.460.210.379	91.616.820.515
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11	118.793.613.820	48.203.892.826
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	3.889.259.608	83.332.681
314	4. Phải trả người lao động		2.589.401.461	724.375.082
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	2.510.460.660	1.555.822.630
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	121.965.326.264	117.657.026.678
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	39.680.373.955	50.120.635.883
321	7. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		109.449.167	109.449.167
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>44.830.489.966</b>	<b>57.830.489.966</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	44.830.489.966	57.830.489.966
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>45.798.336.282</b>	<b>30.820.818.465</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	16	<b>45.798.336.282</b>	<b>30.820.818.465</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		200.000.000.000	200.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		764.439.744	764.439.744
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(154.966.103.462)	(169.943.621.279)
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		(169.943.621.279)	(173.721.942.057)
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		14.977.517.817	3.778.320.778
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>546.626.921.562</b>	<b>398.722.663.893</b>

Đỗ Thị Thu Phương  
Người lập

Trần Thị Thùy Trang  
Kế toán trưởng

Tô Ngọc Huy  
Tổng Giám đốc



Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 15 tháng 07 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2024	2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	1.725.033.079.752	248.117.686.467
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	353.308.865	363.389.669
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.724.679.770.887	247.754.296.798
11	4. Giá vốn hàng bán	20	1.688.834.427.273	240.219.737.833
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		35.845.343.614	7.534.558.965
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	38.083.474	127.134.518
22	7. Chi phí tài chính	22	6.301.353.491	3.484.635.229
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		3.479.544.854	3.439.358.150
25	8. Chi phí bán hàng	23	2.454.450.027	873.029.914
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	8.166.648.508	4.492.018.279
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		18.960.975.062	(1.187.989.939)
31	11. Thu nhập khác	25	300.465.000	1.099.115.703
32	12. Chi phí khác	26	431.634.233	2.901.522.323
40	13. Lợi nhuận khác		(131.169.233)	(1.802.406.620)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		18.829.805.829	(2.990.396.559)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	3.852.288.012	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		14.977.517.817	(2.990.396.559)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	749	(150)

Đỗ Thị Thu Phương  
Người lập

Trần Thị Thùy Trang  
Kế toán trưởng

Tô Ngọc Huy  
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 15 tháng 07 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2024	2023
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		18.829.805.829	(2.990.396.559)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		19.836.063.080	9.478.476.414
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		2.551.076.761	45.277.079
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(36.318.315)	(117.606.254)
06	- Chi phí lãi vay		3.479.544.854	3.439.358.150
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		44.660.172.209	9.855.108.830
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(2.405.317.891)	(28.772.664.075)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(156.831.832.854)	(19.585.218.484)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		148.690.767.086	59.516.614.971
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(32.472.929)	(4.340.555.726)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(600.004.822)	(24.692.346.035)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(46.361.085)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		33.434.949.714	(8.019.060.519)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(684.448.000)	(500.150.700)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		14.622.429	117.606.254
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(669.825.571)	(382.544.446)
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(25.000.806.914)	(7.000.033.860)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(25.000.806.914)	(7.000.033.860)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		7.764.317.229	(15.401.638.825)

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT**KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2024	2023
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		8.713.496.378	23.975.732.026
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		235.960	(64.371)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>16.478.049.567</u>	<u>8.574.028.830</u>

Đỗ Thị Thu Phương  
Người lậpTrần Thị Thùy Trang  
Kế toán trưởngTô Ngọc Huy  
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 15 tháng 07 năm 2024

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thông Nhất được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 3500820408 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 14 tháng 04 năm

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký và đã thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 200.000.000.000 VND; tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là: 94 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 86 người).

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại, dịch vụ.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất thép tấm lá cán nguội và các sản phẩm sau cán;
- Xuất nhập khẩu máy móc thiết bị ngành thép.

#### **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Tại thời điểm 30/06/2024, số lỗ lũy kế của Công ty là 154,97 tỷ VND, số nợ phải trả quá hạn thanh toán là 202,65 tỷ VND, các khoản nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 125,20 tỷ VND. Tuy nhiên, các khoản nợ vay với các đơn vị trong cùng Tổng Công ty Thép Việt Nam được trả dần trong nhiều năm cho đến khi Công ty có đủ khả năng trả nợ. Các hợp đồng sản xuất và gia công vẫn đảm bảo cho Công ty huy động đủ nguồn vốn để thanh toán lãi và nợ gốc đến hạn. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 được lập dựa trên cơ sở giả định Công ty hoạt động kinh doanh liên tục là phù hợp.

### **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

#### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## **2.3 . Công cụ tài chính**

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

## **2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

## **2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2.6 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## **2.7 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## **2.8 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.



## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

### 2.9 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

### 2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí trực cán thép thực hiện phân bổ theo tiêu thức tiêu hao bán kính trục sử dụng thực tế trong kỳ so với tổng bán kính trục sử dụng hiệu quả;
- Chi phí sửa chữa lớn và chi phí sửa chữa trục cán, chi phí công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của các loại chi phí trả trước này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.

### 2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

### 2.12 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### 2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.14 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và chi phí lãi tiền vay phải trả, ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.15 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.16 . Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**2.17 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là giảm giá hàng bán.

Các khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**2.18 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**2.19 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

**2.21 . Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

**2.22 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**2.23 . Thông tin bộ phận**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh thép tấm lá và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	11.257.345	16.919.948
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.466.792.222	8.696.576.430
	<b><u>16.478.049.567</u></b>	<b><u>8.713.496.378</u></b>

**4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Bên khác</i>	<b>29.774.026.572</b>	-	<b>38.674.460.393</b>	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Tôn Tân Phước Khanh	13.915.320.188	-	34.512.895.238	-
Công ty Cổ phần Thép TVP	13.140.823.654	-	-	-
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Thép Tây Nam	1.691.075.210	-	2.267.295.525	-
Các khách hàng khác	1.026.807.520	-	1.894.269.630	-
	<b><u>29.774.026.572</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>38.674.460.393</u></b>	<b><u>-</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Thiết bị Quang Minh	1.174.531.644	-	-	-
CN Công ty TNHH Industrielle Beteiligung tại TP Hải Phòng	827.195.490	-	827.195.490	-
Công ty TNHH Ông Thép Sài Gòn	754.999.850	-	-	-
Công ty CP Phần mềm ROSY	752.700.000	-	490.900.000	-
Trả trước cho người bán khác	1.637.535.689	-	430.440.710	-
	<b>5.146.962.673</b>	<b>-</b>	<b>1.748.536.200</b>	<b>-</b>

**6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>a) Chi tiết theo nội dung</i>				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	25.391.339	-	3.695.453	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	3.814.925	-	3.814.925	-
Tạm ứng	93.572.000	-	139.159.999	-
Ký cược, ký quỹ	925.765.578	-	925.765.578	-
Phải trả lãi chưa ghi nhận chi phí	4.402.486.613	-	4.402.486.613	-
Phải thu khác	52.400.000	-	52.400.000	-
	<b>5.503.430.455</b>	<b>-</b>	<b>5.527.322.568</b>	<b>-</b>
<i>b) Chi tiết theo đối tượng</i>				
Tổng Công ty Điện lực miền Nam - TNHH	925.765.578	-	925.765.578	-
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	3.191.750.021	-	3.191.750.021	-
Công ty TNHH MTV thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	1.210.736.592	-	1.210.736.592	-
Các đối tượng khác	175.178.264	-	199.070.377	-
	<b>5.503.430.455</b>	<b>-</b>	<b>5.527.322.568</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	3.191.750.021	-	3.191.750.021	-
Công ty TNHH MTV thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	1.210.736.592	-	1.210.736.592	-
	<b>4.402.486.613</b>	<b>-</b>	<b>4.402.486.613</b>	<b>-</b>

**7 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	255.988.573.808	-	101.157.627.397	-
Công cụ, dụng cụ	78.088.247	-	43.253.756	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.325.129.004	-	1.778.038.883	-
Thành phẩm	4.829.559.833	-	3.410.598.002	-
	<b>263.221.350.892</b>	<b>-</b>	<b>106.389.518.038</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT**

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>										
Số dư đầu kỳ	75.686.874.594	448.118.150.698	-	19.925.625.063	1.893.299.390	545.623.949.745				
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	684.448.000	-	-	-	-	684.448.000				
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>76.371.322.594</b>	<b>448.118.150.698</b>	<b>-</b>	<b>19.925.625.063</b>	<b>1.893.299.390</b>	<b>546.308.397.745</b>				
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>										
Số dư đầu kỳ	26.912.691.153	298.500.506.888	-	19.925.625.063	1.411.860.594	346.750.683.698				
- Khấu hao trong kỳ	1.574.509.722	18.157.851.796	-	-	103.701.562	19.836.063.080				
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>28.487.200.875</b>	<b>316.658.358.684</b>	<b>-</b>	<b>19.925.625.063</b>	<b>1.515.562.156</b>	<b>366.586.746.778</b>				
<b>Giá trị còn lại</b>										
Tại ngày đầu kỳ	48.774.183.441	149.617.643.810	-	-	481.438.796	198.873.266.047				
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>47.884.121.719</b>	<b>131.459.792.014</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>377.737.234</b>	<b>179.721.650.967</b>				

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 175.369.351.074 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 38.882.794.405 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	590.762.632	981.338.009
Chi phí sửa chữa	393.783.345	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	409.141.345	213.355.020
	<b><u>1.393.687.322</u></b>	<b><u>1.194.693.029</u></b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí sửa chữa	1.272.191.444	961.063.222
Công cụ, dụng cụ	17.999.383.623	16.987.517.737
Trục cán thép và phụ tùng trực cán	16.839.197.555	17.803.668.568
	<b><u>36.110.772.622</u></b>	<b><u>35.752.249.527</u></b>

**10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>41.335.029.211</b>	<b>41.335.029.211</b>	<b>51.112.488.282</b>	<b>51.112.488.282</b>
Công ty Cổ phần	34.253.672.833	34.253.672.833	36.253.672.833	36.253.672.833
Kim khí TP Hồ Chí Minh - Vnsteel				
Công ty TNHH MTV Thép tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	7.081.356.378	7.081.356.378	14.858.815.449	14.858.815.449
<b>Bên khác</b>	<b>125.125.181.168</b>	<b>125.125.181.168</b>	<b>40.504.332.233</b>	<b>40.504.332.233</b>
- Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Tôn Phước Khanh	13.216.884.450	13.216.884.450	32.097.604.000	32.097.604.000
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Và Dịch vụ Thép VTS	78.413.985.683	78.413.985.683	-	-
- Công ty Cổ phần Thép TVP	28.384.579.300	28.384.579.300	-	-
Đối tượng khác	5.109.731.735	5.109.731.735	8.406.728.233	8.406.728.233
	<b><u>166.460.210.379</u></b>	<b><u>166.460.210.379</u></b>	<b><u>91.616.820.515</u></b>	<b><u>91.616.820.515</u></b>
<b>Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>				
Công ty Cổ phần Kim khí TP Hồ Chí Minh - Vnsteel	34.253.672.833	34.253.672.833	36.253.672.833	36.253.672.833
Công ty TNHH MTV Thép tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	7.081.356.378	7.081.356.378	14.858.815.449	14.858.815.449
	<b><u>41.335.029.211</u></b>	<b><u>41.335.029.211</u></b>	<b><u>51.112.488.282</u></b>	<b><u>51.112.488.282</u></b>



11 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN	*	
	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	<b>117.853.043.137</b>	<b>47.079.432.443</b>
Công ty Tôn Phương Nam (*)	117.853.043.137	47.079.432.443
<i>Bên khác</i>	<b>940.570.683</b>	<b>1.124.460.383</b>
Đối tượng khác	940.570.683	1.124.460.383
	<b>118.793.613.820</b>	<b>48.203.892.826</b>

(\*) Khoản nhận ứng trước tiền mua Thép cuộn cán nguội của Công ty Tôn Phương Nam.

**12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	-	-	606.938.460	606.938.460	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	-	46.361.085	46.361.085	46.361.085	46.361.085	-	-	3.852.288.012	3.852.288.012
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	36.971.596	36.971.596	249.567.201	249.567.201	-	-	36.971.596	36.971.596
Các loại thuế khác	-	-	-	-	29.600.000	29.600.000	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-	-	-
	-	-	<b>83.332.681</b>	<b>4.743.393.673</b>	<b>937.466.746</b>	<b>937.466.746</b>	-	-	<b>3.889.259.608</b>	<b>3.889.259.608</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Trích trước chi phí tiền điện	1.172.404.700	1.309.945.800
- Trích trước thù lao HĐQT, BKS	123.000.000	61.500.000
- Chi phí phải trả khác	1.215.055.960	184.376.830
	<b><u>2.510.460.660</u></b>	<b><u>1.555.822.630</u></b>

**14 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Chi tiết theo nội dung</b>		
- Kinh phí công đoàn	12.172.977	16.824.888
- Bảo hiểm xã hội	208.207.939	19.455.084
- Bảo hiểm y tế	1.955.723	1.955.723
- Phải trả lãi vay Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt (*)	40.498.460.497	37.955.349.927
- Phải trả lãi vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)	15.601.286.934	15.987.979.316
- Phải trả lãi vay Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP (*)	30.773.991.935	29.060.102.356
- Lãi chậm trả công nợ Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	10.777.915.506	10.777.915.506
- Lãi chậm trả công nợ Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel	10.158.875.813	10.158.875.813
- Lãi chậm trả công nợ Công ty TNHH MTV Thép tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	13.824.868.176	13.558.319.033
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	107.590.764	120.249.032
	<b><u>121.965.326.264</u></b>	<b><u>117.657.026.678</u></b>
<b>b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>		
- Lãi vay chậm trả	86.873.739.366	83.003.431.599
- Lãi chậm trả công nợ	34.761.659.495	34.495.110.352
	<b><u>121.635.398.861</u></b>	<b><u>117.498.541.951</u></b>
<b>c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan</b>		
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	41.551.907.441	39.838.017.862
- Công ty Cổ phần Kim khí Tp.Hồ Chí Minh - Vnsteel	10.158.875.813	10.158.875.813
- Công ty TNHH MTV Thép tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	13.824.868.176	13.558.319.033
	<b><u>65.535.651.430</u></b>	<b><u>63.555.212.708</u></b>

(\*) Tại thời điểm 30/06/2024, toàn bộ lãi vay phải trả là các khoản lãi vay đã quá hạn thanh toán từ năm 2009 đến nay. Số dư nợ gốc và lãi suất căn cứ theo Biên bản xác nhận công nợ và xác nhận của ngân hàng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THÔNG NHẤT**

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**15 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2024		Trong kỳ		30/06/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	50.120.635.883	50.120.635.883	1.560.544.986	12.000.806.914	39.680.373.955	39.680.373.955
- Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt (VFC) <sup>(1)</sup>	50.120.635.883	50.120.635.883	1.560.544.986	12.000.806.914	39.680.373.955	39.680.373.955
	<b>50.120.635.883</b>	<b>50.120.635.883</b>	<b>1.560.544.986</b>	<b>12.000.806.914</b>	<b>39.680.373.955</b>	<b>39.680.373.955</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt (VFC) <sup>(1)</sup>	50.120.635.883	50.120.635.883	1.560.544.986	12.000.806.914	39.680.373.955	39.680.373.955
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP <sup>(2)</sup>	57.830.489.966	57.830.489.966	-	13.000.000.000	44.830.489.966	44.830.489.966
	<b>107.951.125.849</b>	<b>107.951.125.849</b>	<b>1.560.544.986</b>	<b>25.000.806.914</b>	<b>84.510.863.921</b>	<b>84.510.863.921</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(50.120.635.883)	(50.120.635.883)	(1.560.544.986)	(12.000.806.914)	(39.680.373.955)	(39.680.373.955)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>57.830.489.966</b>	<b>57.830.489.966</b>			<b>44.830.489.966</b>	<b>44.830.489.966</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

(1) Khoản vay Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt (VFC) bao gồm 02 hợp đồng, chi tiết:

(a) Hợp đồng tín dụng số CFC.2016.0017/ĐTDA/09CN.01 và CFC.2016.0017/ĐTDA/09CN.02 ngày 28/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 20.000.000 USD;
- + Mục đích vay: Bên vay sử dụng tiền vay để thanh toán các chi phí đầu tư dự án bao gồm chi phí máy móc thiết bị, chi phí xây dựng, lãi vay trong thời gian xây dựng;
- + Thời hạn của hợp đồng: 108 tháng;
- + Lãi suất cho vay: bằng lãi suất tiết kiệm USD 12 tháng cộng lãi suất biên của ngân hàng VCB và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 1.147.204 USD, tương đương với 29.222.727.492 VND; toàn bộ số nợ này đều đã đến hạn trả;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ tài sản thuộc dự án, Bên vay phải mua và duy trì liên tục bảo hiểm mọi rủi ro tài sản cho các tài sản thế chấp/cầm cố và số tiền thế chấp thuộc tài sản thế chấp, Thư bảo lãnh số 242/VNS - TCKT ngày 10/03/2010 của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP.

(b) Hợp đồng tín dụng số CFC.2016.0012/ĐTDA/10CD ngày 28/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 55.340.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Bên vay sử dụng tiền vay để thanh toán các chi phí hợp pháp, hợp lệ đầu tư dự án bao gồm: các chi chí đầu tư máy móc thiết bị, các chi phí liên quan xây dựng và cơ sở hạ tầng, chi phí tư vấn thiết kế giám sát đầu tư dự án, lãi vay trong thời gian xây dựng;
- + Thời hạn của hợp đồng: 108 tháng;
- + Lãi suất cho vay: bằng lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng cộng lãi suất biên của Ngân hàng Vietcombank và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 10.457.646.463 VND, toàn bộ số nợ này đều đã đến hạn trả;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ tài sản thuộc dự án, Bên vay phải mua và duy trì liên tục bảo hiểm mọi rủi ro tài sản cho các tài sản thế chấp/cầm cố, và số tiền thế chấp thuộc tài sản thế chấp, Thư bảo lãnh số 243/VNS - TCKT ngày 10/03/2010 của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP.

(2) Khoản vay phải trả Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP do Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP trả thay nợ gốc và lãi vay của Công ty đối với các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam; lãi suất là 6,5%/năm. Số dư tại ngày 30/06/2024 là 44.830.489.966 VND. Khoản vay phải trả không xác định rõ thời điểm trả gốc vay.

**c) Số vay quá hạn chưa thanh toán**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Gốc VND	Lãi VND	Gốc VND	Lãi VND
Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	39.680.373.955	40.498.460.497	50.120.635.883	37.955.349.927
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	-	30.773.991.935	-	29.060.102.356
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	15.601.286.934	-	15.987.979.316
	<b>39.680.373.955</b>	<b>86.873.739.366</b>	<b>50.120.635.883</b>	<b>83.003.431.599</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT**

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**d) Các khoản vay đối với các bên liên quan**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP (1)	44.830.489.966	30.773.991.935	57.830.489.966	29.060.102.356
	<u>44.830.489.966</u>	<u>30.773.991.935</u>	<u>57.830.489.966</u>	<u>29.060.102.356</u>

(1) Cổ đông lớn

**16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
		VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	764.439.744	(173.721.942.057)	27.042.497.687
Lỗi trong kỳ trước		-	(2.990.396.559)	(2.990.396.559)
Giảm khác		(5.400.000)	-	(5.400.000)
Số dư cuối kỳ trước	<u>200.000.000.000</u>	<u>759.039.744</u>	<u>(176.712.338.616)</u>	<u>24.046.701.128</u>
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	764.439.744	(169.943.621.279)	30.820.818.465
Lãi trong kỳ này		-	14.977.517.817	14.977.517.817
Số dư cuối kỳ nay	<u>200.000.000.000</u>	<u>764.439.744</u>	<u>(154.966.103.462)</u>	<u>45.798.336.282</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	31,25	62.494.810.000	31,25	62.494.810.000
Công ty Tôn Phương Nam	5,00	10.000.000.000	5,00	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel	7,00	14.000.000.000	7,00	14.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC	7,00	14.000.000.000	7,00	14.000.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	6,00	11.999.090.000	6,00	11.999.090.000
Cổ đông khác	43,75	87.506.100.000	43,75	87.506.100.000
	<b>100</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>200.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	06 tháng đầu năm 2024 VND	06 tháng đầu năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	764.439.744	764.439.744
	<b>764.439.744</b>	<b>764.439.744</b>

**17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty có hợp đồng thuê đất số 10/HĐ/TLĐ/IZICO ngày 20/03/2008 và phụ lục hợp đồng số 86/PLHĐ/TLĐ/IZICO ngày 01/04/2013 ký với Công ty Đầu Tư và Khai Thác Hạ Tầng KCN Đông Xuyên và Phú Mỹ I để thuê đất tại Khu công nghiệp Phú Mỹ I để sử dụng với mục đích làm trụ sở văn phòng và nhà xưởng. Diện tích khu đất thuê là 22.400 m<sup>2</sup>, thời hạn thuê là 40 năm từ ngày 01/01/2008 đến ngày 01/01/2048. Số tiền phải trả về tiền thuê đất và tiền duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng là 36.960 USD/năm.

**b) Ngoại tệ các loại**

	30/06/2024	01/01/2024
- Đồng đô la Mỹ (USD)	201,16	201,16

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT**KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	1.646.764.554.502	204.486.276.442
Doanh thu bán phế liệu	33.307.480.000	8.426.626.931
Doanh thu cung cấp dịch vụ	44.961.045.250	35.204.783.094
	<b><u>1.725.033.079.752</u></b>	<b><u>248.117.686.467</u></b>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)	<b><u>1.197.931.174.465</u></b>	<b><u>100.657.295.360</u></b>

**19 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	353.308.865	-
Giảm giá hàng bán	-	363.389.669
	<b><u>353.308.865</u></b>	<b><u>363.389.669</u></b>

**20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.626.744.349.953	202.031.907.738
Giá vốn của phế liệu	31.098.981.207	7.781.779.576
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	30.991.096.113	30.406.050.519
	<b><u>1.688.834.427.273</u></b>	<b><u>240.219.737.833</u></b>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)	<b><u>20.468.389.600</u></b>	<b><u>43.740.513.235</u></b>

**21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	36.318.315	117.606.254
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.765.159	9.528.264
	<b><u>38.083.474</u></b>	<b><u>127.134.518</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT**KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.479.544.854	3.439.358.150
Lãi mua hàng trả chậm	266.549.143	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	4.182.733	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	2.551.076.761	45.277.079
	<b><u>6.301.353.491</u></b>	<b><u>3.484.635.229</u></b>

**23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.063.638	1.050.000
Chi phí nhân công	2.295.086.389	869.964.731
Chi phí khác bằng tiền	155.300.000	2.015.183
	<b><u>2.454.450.027</u></b>	<b><u>873.029.914</u></b>

**24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	210.526.393	107.625.974
Chi phí nhân công	4.306.270.535	2.516.905.465
Chi phí khấu hao tài sản cố định	117.685.485	52.739.422
Thuế, phí, lệ phí	5.000.000	5.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.189.495.004	537.711.423
Chi phí khác bằng tiền	1.337.671.091	1.272.035.995
	<b><u>8.166.648.508</u></b>	<b><u>4.492.018.279</u></b>

**25 . THU NHẬP KHÁC**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Thu từ thanh lý phế phẩm	300.465.000	774.408.000
Thu nhập từ xóa nợ	-	324.703.500
Thu nhập khác	-	4.203
	<b><u>300.465.000</u></b>	<b><u>1.099.115.703</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT**KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**26 . CHI PHÍ KHÁC**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Các khoản bị phạt	143.100	11.083.763
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	246.000.000	123.000.000
Chi phí trong giai đoạn dừng sản xuất	-	2.589.494.859
Chi phí khác	185.491.133	177.943.701
	<b>431.634.233</b>	<b>2.901.522.323</b>

**27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.829.805.829	(2.990.396.559)
Các khoản điều chỉnh tăng	431.634.233	2.589.494.859
- Chi phí không hợp lệ	431.634.233	2.589.494.859
Thu nhập chịu thuế TNDN	19.261.440.062	(400.901.700)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>3.852.288.012</b>	<b>-</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	46.361.085	(666.052.480)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(46.361.085)	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>3.852.288.012</b>	<b>(666.052.480)</b>

**28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	14.977.517.817	(2.990.396.559)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	14.977.517.817	(2.990.396.559)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	20.000.000	20.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>749</b>	<b>(150)</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT**KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.578.778.648.588	220.822.583.709
Chi phí nhân công	15.863.645.936	8.276.428.461
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.836.063.080	9.478.476.414
Chi phí dịch vụ mua ngoài	79.208.243.654	26.666.286.511
Chi phí khác bằng tiền	7.734.976.502	1.324.687.195
	<b><u>1.701.421.577.760</u></b>	<b><u>266.568.462.290</u></b>

**30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: tỷ giá hối đoái, lãi suất

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT**

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.466.792.222	-	-	16.466.792.222
Phải thu khách hàng, phải thu khác	35.277.457.027	-	-	35.277.457.027
	<b>51.744.249.249</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>51.744.249.249</b>
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.696.576.430	-	-	8.696.576.430
Phải thu khách hàng, phải thu khác	44.201.782.961	-	-	44.201.782.961
	<b>52.898.359.391</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>52.898.359.391</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>				
Vay và nợ	39.680.373.955	44.830.489.966	-	84.510.863.921
Phải trả người bán, phải trả khác	288.425.536.643	-	-	288.425.536.643
Chi phí phải trả	2.510.460.660	-	-	2.510.460.660
	<b>330.616.371.258</b>	<b>44.830.489.966</b>	<b>-</b>	<b>375.446.861.224</b>
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
Vay và nợ	50.120.635.883	57.830.489.966	-	107.951.125.849
Phải trả người bán, phải trả khác	209.273.847.193	-	-	209.273.847.193
Chi phí phải trả	1.555.822.630	-	-	1.555.822.630
	<b>260.950.305.706</b>	<b>57.830.489.966</b>	<b>-</b>	<b>318.780.795.672</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có giao dịch hoặc số dư với Công ty như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	Là công ty có 100% vốn góp của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP
Công ty Tôn Phương Nam	(i)
Công ty Cổ phần Kim khí Tp. Hồ Chí Minh - Vnsteel	(ii)

(i) Ông Lê Việt - Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty đồng thời là Phó Tổng Giám đốc Công ty Tôn Phương Nam.

(ii) Ông Lại Văn Quyền - Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty đồng thời là Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kim khí Tp. Hồ Chí Minh - Vnsteel.

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>	<b>1.197.931.174.465</b>	<b>100.657.295.360</b>
Công ty Tôn Phương Nam	1.165.587.570.670	100.304.000.000
Công ty TNHH MTV thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	-	353.295.360
Công ty Cổ phần Tôn mạ Vnsteel Thăng Long	32.343.603.795	-
<b>Mua hàng</b>	<b>20.468.389.600</b>	<b>43.740.513.235</b>
Công ty TNHH MTV thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	20.468.389.600	43.740.513.235

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Mối quan hệ	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
		2024	2023
		VND	VND
<b>Thu nhập của người quản lý chủ chốt</b>			
Ông Trần Ngọc Tuấn	Chủ tịch HĐQT	24.300.000	24.300.000
Ông Lê Việt	Thành viên HĐQT	16.200.000	16.200.000
Bà Trần Thanh Hương	Thành viên HĐQT	16.200.000	18.000.000
Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân	Thành viên HĐQT	16.200.000	16.200.000
Ông Lại Văn Quyền	Thành viên HĐQT	16.200.000	16.200.000
Ông Tô Ngọc Huy	Tổng giám đốc/ Thành viên HĐQT	327.886.003	104.968.248
Ông Nguyễn Huy Thọ	Tổng giám đốc/ Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 06/04/2023)	-	125.212.915
Ông Bùi Vĩnh Hào	Phó Tổng giám đốc	264.837.754	151.369.349
<b>Thù lao và chi phí hoạt động khác của Ban kiểm soát</b>			
Bà Lê Thúy Trinh	Trưởng BKS	159.759.027	90.414.238
Ông Nguyễn Duy Dũng	Thành viên BKS (Bổ nhiệm ngày 05/04/2024)	5.400.000	-
Ông Triệu Anh Vũ	Thành viên BKS (Miễn nhiệm ngày 05/04/2024)	5.400.000	12.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Mây	Thành viên BKS	10.800.000	10.800.000
Ông Nguyễn Trường Hải	Thư ký HĐQT/ Chuyên viên	12.000.000	12.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

**33 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

Đỗ Thị Thu Phương  
Người lập

Trần Thị Thùy Trang  
Kế toán trưởng

Tô Ngọc Huy  
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 15 tháng 07 năm 2024